

Số: 2695 /NPT-ĐTXD

Hà Nội, ngày 20 tháng 10 năm 2009

**Hướng dẫn lập, thẩm tra tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán
dự án đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành lưới điện**

Kính gửi: Các đơn vị thành viên trực thuộc Tổng công ty

Ngày 13/6/2007 Thủ tướng Chính phủ ban hành Nghị định 99/2007/NĐ-CP về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Bộ Xây dựng có Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình, Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 công bố định mức chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình; Tập đoàn Điện lực Việt Nam (EVN) có văn bản số 5724/CV-EVN-KTDT ngày 26/10/2007 hướng dẫn việc lập tổng mức đầu tư (TMĐT), tổng dự toán (TDT), dự toán chi phí đầu tư xây dựng công trình chuyên ngành điện. Để thống nhất trong việc lập, thẩm tra, phê duyệt TMĐT, TDT, dự toán dự án đầu tư xây dựng công trình lưới điện, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (NPT) hướng dẫn chi tiết với nội dung như sau:

I. Cơ sở lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán:

1. Căn cứ các văn bản hiện hành của nhà nước quy định về công tác quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình:

- Luật Xây dựng ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2003;
- Nghị định số 12/2009/NĐ-CP ngày 12/02/2009 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng và Nghị định số 49/2008/NĐ-CP ngày 18/4/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 209/2004/NĐ-CP ngày 16/12/2004 của Chính phủ về quản lý chất lượng công trình xây dựng;
- Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình; Nghị định số 03/2008/NĐ-CP ngày 07/01/2008 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 99/2007/NĐ-CP ngày 13/6/2007 của Chính phủ về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Nghị định số 69/2009/NĐ-CP ngày 13/8/2009 của Chính phủ quy định bổ sung về quy hoạch sử dụng đất, giá đất, thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ và tái định cư;

CÔNG VĂN ĐẾN

6332

Ngày 20/10/09

Số:

- Nghị định số 81/2009/NĐ-CP ngày 12/10/2009 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 106/2005/NĐ-CP ngày 17/8/2005 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Điện lực về bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp;
- Thông tư số 05/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn lập và quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 07/2007/TT-BXD ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng hướng dẫn phương pháp xác định giá ca máy và thiết bị thi công xây dựng công trình;
- Văn bản số 1599/BXD-VP ngày 25/7/2007 của Bộ Xây dựng công bố phương pháp xác định chỉ số giá xây dựng;
- Văn bản số 1831/BXD-VP ngày 31/8/2009 của Bộ Xây dựng công bố chỉ số giá xây dựng Quý 2 năm 2009;
- Thông tư số 12/2008/TT-BXD ngày 07/5/2008 của Bộ Xây dựng hướng dẫn việc lập và quản lý chi phí khảo sát xây dựng;
- Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng công bố định mức chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình;
- Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước; Thông tư số 98/2007/TT-BTC ngày 09/8/2007 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điểm của Thông tư số 33/2007/TT-BTC ngày 09/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn quyết toán dự án hoàn thành thuộc nguồn vốn Nhà nước;
- Thông tư số 117/2008/TT-BTC ngày 05/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn quản lý, sử dụng chi phí quản lý dự án đầu tư của các dự án sử dụng vốn ngân sách nhà nước;
- Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT ngày 01/10/2009 của Bộ Tài nguyên và môi trường quy định chi tiết về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình tự, thủ tục thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất;
- Quyết định số 6061/QĐ-BCT ngày 14/11/2008 của Bộ Công thương công bố định mức dự toán xây dựng chuyên ngành công tác xây lắp đường dây tải điện trên không (ĐDK); Quyết định số 6060/QĐ-BCT ngày 14/11/2008 của Bộ Công thương công bố định mức dự toán xây dựng chuyên ngành công tác lắp đặt trạm biến áp (TBA);
- Văn bản của Bộ Công thương: số 7606/BCT-NL ngày 05/8/2009 công bố bộ Đơn giá XD CB chuyên ngành xây lắp ĐDK và Đơn giá XD CB lắp đặt TBA; số 8571/BCT-NL ngày 31/8/2009 hướng dẫn áp dụng bộ đơn giá XD CB chuyên ngành xây lắp ĐDK và lắp đặt TBA theo công văn số 7606/BCT-NL;

2. Cơ sở lập tổng mức đầu tư, tổng dự toán, dự toán:

Hồ sơ TMĐT, TDT, dự toán được lập theo từng giai đoạn thực hiện dự án. Đối với công trình thiết kế 3 bước, trình tự thực hiện các bước gồm lập Dự án đầu tư; Thiết kế kỹ thuật – TDT; Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán. Đối với công trình thiết kế 2 bước, trình tự thực hiện các bước lập Dự án đầu tư; Thiết kế bản vẽ thi công - TDT (hoặc Thiết kế bản vẽ thi công - Dự toán).

TMĐT dự án được lập theo Thiết kế cơ sở; TDT, dự toán được lập trên cơ sở Thiết kế kỹ thuật hoặc Thiết kế bản vẽ thi công.

Đơn giá áp dụng để lập TMĐT, TDT, dự toán theo các bộ đơn giá chuyên ngành lưới điện do Bộ Công thương (hoặc Bộ Công nghiệp trước đây) công bố/ban hành hoặc do Hội đồng quản trị EVN công bố/ban hành. Trường hợp công tác xây lắp có đặc thù riêng hoặc công tác xây lắp thực hiện cho chủng loại thiết bị mới mà chưa có định mức thì vận dụng áp dụng định mức xây lắp chuyên ngành có tính chất tương tự để xây dựng đơn giá làm cơ sở thực hiện. Khi sử dụng các định mức xây dựng mới hoặc định mức hiệu chỉnh chưa có trong hệ thống định mức xây dựng do các Bộ, ngành hoặc các địa phương công bố làm cơ sở lập đơn giá để thanh toán đối với các gói thầu chỉ định thầu thì chủ đầu tư dự án phải báo cáo người quyết định đầu tư xem xét quyết định.

Một số công trình xây dựng như nhà điều hành sản xuất, nhà quản lý vận hành, nhà chốt trực vận hành, nhà trực-nghỉ ca, đoạn công trình đường dây đấu nối vào trạm có quy mô nhỏ... có thể áp dụng theo suất vốn đầu tư được cấp có thẩm quyền công bố để tính toán chi phí lập TMĐT theo quy định.

II. Hướng dẫn lập tổng mức đầu tư:

TMĐT dự án đầu tư xây dựng công trình theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD và được tính theo công thức sau:

$$V = G_{XD} + G_{TB} + G_{GPMB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K + G_{DP}$$

Trong đó:

- + V: tổng mức đầu tư của dự án đầu tư xây dựng công trình.
- + G_{XD} : chi phí xây dựng của dự án.
- + G_{TB} : chi phí thiết bị của dự án.
- + G_{GPMB} : chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư.
- + G_{QLDA} : chi phí quản lý dự án.
- + G_{TV} : chi phí tư vấn đầu tư xây dựng.
- + G_K : chi phí khác của dự án.
- + G_{DP} : chi phí dự phòng.

1. Chi phí xây dựng của dự án (G_{XD}):

Chi phí xây dựng của dự án được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

2. Chi phí thiết bị của dự án (G_{TB}):

Chi phí thiết bị của dự án được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục số 1 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

3. Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng và tái định cư (G_{GPMB}):

Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng (GPMB), tái định cư (nếu có) được xác định theo khối lượng phải bồi thường để GPMB, tái định cư của dự án và các qui định hiện hành của nhà nước về giá, chế độ chính sách khi thực hiện bồi thường GPMB, tái định cư tại địa phương nơi xây dựng công trình. Chi phí bồi thường GPMB, tái định cư lập trong TMĐT bao gồm mọi chi phí liên quan chi phí đến bồi thường tài sản vật chất bị thiệt hại, bị ảnh hưởng; chi phí thuê đất để xây dựng công trình; các chi phí thuộc về dịch vụ bồi thường GPMB tái định cư và các chi phí khác quy định tại Thông tư số 14/2009/TT-BTNMT kể cả việc tính đến yếu tố trượt giá do chính sách xã hội thay đổi như giá đất, giá vật tư-vật liệu, mức chi phí hỗ trợ di dời.... Đối với công trình ĐDK chi phí bồi thường phải lưu ý đến cả nhà cửa và vật kiến trúc ngoài hành lang tuyến ĐDK nhưng bị ảnh hưởng khi bị kẹp giữa 2 công trình ĐDK theo quy định tại Nghị định số 81/2009/NĐ-CP.

Kinh phí đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ và tái định cư được lập dự toán theo quy định tại Điều 26 của Nghị định số 69/2009/NĐ-CP và được Hội đồng bồi thường GPMB phê duyệt cùng với phương án bồi thường GPMB để làm cơ sở thực hiện.

Một số chi phí như sau:

- Chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc do phải di dời khỏi mặt bằng để thực hiện dự án đầu tư xây dựng công trình.
- Chi phí bồi thường cây cối, hoa màu trồng trên đất.
- Chi phí bồi thường đất đai.
- Chi phí thuê đất hoặc tạm sử dụng đất trong thời gian xây dựng.
- Chi phí chi trả cho phân hạ tầng kỹ thuật đã đầu tư.
- Chi phí liên quan đến công tác tiếp đất, cải tạo công trình-vật kiến trúc được phép tồn tại trong hành lang an toàn của tuyến ĐDK nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng (đối với công trình ĐDK cấp điện áp đến 220kV).
- Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường GPMB của Hội đồng bồi thường GPMB.

- Chi phí tư vấn giám sát thực hiện công tác đền bù GPMB và tái định cư theo yêu cầu của tổ chức tài trợ vốn (nếu có).
- Các khoản chi phục vụ công tác xin cấp đất xây dựng công trình bao gồm chi phí đo vẽ địa chính (nếu cấp có thẩm quyền cấp đất yêu cầu), lệ phí địa chính...
- Chi phí thực hiện một số công việc phát sinh theo yêu cầu của Hội đồng bồi thường GPMB trong trường hợp phải áp chế để phục vụ thi công hoặc cưỡng chế để GPMB; giải quyết việc khiếu kiện, khiếu nại (nếu có).

4. Chi phí quản lý dự án (G_{QLDA}):

Chi phí quản lý dự án (QLDA) bao gồm các khoản chi phí để tổ chức thực hiện các công việc quản lý dự án từ giai đoạn chuẩn bị dự án, thực hiện dự án đến khi hoàn thành, nghiệm thu bàn giao đưa công trình vào sử dụng.

Chi phí QLDA được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD. Chi phí quản lý dự án được tính theo công thức sau:

$$G_{QLDA} = T \times (G_{XDtt} + G_{TBtt})$$

Trong đó:

- + T: định mức tỷ lệ (%) đối với chi phí quản lý dự án được công bố kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 của Bộ Xây dựng.
- + G_{XDtt} : chi phí xây dựng của dự án chưa có thuế giá trị gia tăng (GTGT).
- + G_{TBtt} : chi phí thiết bị của dự án chưa có thuế GTGT.

5. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng (G_{TV}):

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng là các chi phí tư vấn thực hiện dự án từ khi bắt đầu triển khai dự án đến khi kết thúc.

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng được xác định theo hướng dẫn tại phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng được tính theo công thức sau:

$$G_{TV} = \sum_{i=1}^n C_i \times (1 + T_i^{GTGT-TV}) + \sum_{j=1}^m D_j \times (1 + T_j^{GTGT-TV})$$

Trong đó:

- + C_i : chi phí tư vấn đầu tư xây dựng thứ i tính theo định mức tỷ lệ ($i=1 \div n$).
- + D_j : chi phí tư vấn đầu tư xây dựng thứ j tính bằng lập dự toán ($j=1 \div m$).
- + $T_i^{GTGT-TV}$: mức thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành đối với khoản mục chi phí tư vấn đầu tư xây dựng thứ i tính theo định mức tỷ lệ.

- + $T_j^{GTGT-TV}$: mức thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành đối với khoản mục chi phí tư vấn đầu tư xây dựng thứ j tính bằng lập dự toán.

Quy định về công trình, hạng mục công trình của dự án đầu tư xây dựng chuyên ngành lưới điện để tính chi phí tư vấn đối với dự án đầu tư xây dựng công trình theo Phụ lục số 1 kèm theo văn bản này.

6. Chi phí khác (G_K):

Chi phí khác là các chi phí cần thiết không thuộc chi phí xây dựng; chi phí thiết bị; chi phí bồi thường GPMB, tái định cư; chi phí quản lý dự án và chi phí tư vấn đầu tư xây dựng nói trên. Nội dung chi phí theo hướng dẫn tại phụ lục số 2 ban hành kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD. Chi phí khác được tính theo công thức sau:

$$G_K = \sum_{i=1}^n C_i \times (1 + T_i^{GTGT-K}) + \sum_{j=1}^m D_j \times (1 + T_j^{GTGT-K})$$

Trong đó:

- + C_i : chi phí khác thứ i tính theo định mức tỷ lệ ($i=1 \div n$).
- + D_j : chi phí khác thứ j tính bằng lập dự toán ($j=1 \div m$).
- + T_i^{GTGT-K} : mức thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành đối với khoản mục chi phí khác thứ i tính theo định mức tỷ lệ.
- + T_j^{GTGT-K} : mức thuế suất thuế GTGT theo quy định hiện hành đối với khoản mục chi phí khác thứ j tính bằng lập dự toán.

7. Chi phí dự phòng (G_{DP}):

Chi phí dự phòng bao gồm: chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh chưa lường trước được khi lập dự án và chi phí dự phòng cho yếu tố trượt giá trong thời gian thực hiện dự án. Dự phòng đối với chi phí bồi thường GPMB, tái định cư phải kể đến yếu tố tính đến trượt giá do chính sách xã hội thay đổi như giá đất đai, giá vật tư-vật liệu, mức chi phí hỗ trợ di dời...

Đối với các công trình có thời gian thực hiện đến 2 năm: chi phí dự phòng được tính bằng 10% trên tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

Đối với các công trình có thời gian thực hiện trên 2 năm, chi phí dự phòng được xác định bằng 2 yếu tố:

- Dự phòng chi phí cho yếu tố khối lượng công việc phát sinh được tính bằng 5% tổng chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng và chi phí khác.

- Dự phòng chi phí cho yếu tố trượt giá được tính theo chỉ số giá xây dựng của từng loại công trình xây dựng theo khu vực và thời gian xây dựng.

Thời gian để tính trượt giá là thời gian xây dựng công trình theo tiến độ xây dựng công trình được phê duyệt và tính từ năm thứ ba trở đi.

Chỉ số giá xây dựng để tính trượt giá được tham khảo trên cơ sở chỉ số giá xây dựng của loại công trình tương ứng trong thời gian 3 năm gần nhất.

Chi phí dự phòng đối với dự án có thời gian thực hiện trên 2 năm theo hướng dẫn trên đây nhưng tổng giá trị dự phòng không dưới 10% của tổng chi phí chưa bao gồm dự phòng.

Bảng tổng hợp TMĐT của dự án theo hướng dẫn tại các phụ lục kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

Mẫu biểu tổng hợp các chi phí trong TMĐT của dự án lưới điện tham khảo Phụ lục số 2 kèm theo văn bản này.

III. Hướng dẫn lập tổng dự toán:

Đối với các dự án lưới điện do phải thực hiện trong thời gian dài nên để phục vụ công tác quản lý, ở giai đoạn Thiết kế kỹ thuật (công trình thiết kế ba bước) hoặc Thiết kế kỹ thuật thi công (công trình thiết kế hai bước) phải lập TDT.

TDT của dự án được xác định bằng cách cộng dự toán của các công trình thuộc dự án và một số khoản mục chi phí thuộc chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác chưa tính trong dự toán công trình của dự án.

TDT của dự án được phê duyệt đồng thời với Thiết kế kỹ thuật các công trình của dự án.

IV. Hướng dẫn lập dự toán:

Dự toán xây dựng công trình được lập cho từng công trình, hạng mục công trình xây dựng. Dự toán công trình bao gồm chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí quản lý dự án, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, chi phí khác và chi phí dự phòng của công trình.

Dự toán công trình được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2 của Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

Phương pháp xác định dự toán công trình như sau:

1. Chi phí xây dựng:

Chi phí xây dựng trong dự toán công trình được lập cho công trình, hạng mục công trình, công trình phụ trợ, công trình tạm phục vụ thi công hoặc bộ phận, phần việc, công tác của công trình, hạng mục công trình. Chi phí xây dựng được

xác định bằng cách lập dự toán. Đối với một số công trình phụ trợ, các công trình tạm phục vụ thi công hoặc các công trình đơn giản, thông dụng thì dự toán chi phí xây dựng được xác định bằng định mức tỷ lệ chi phí.

Dự toán chi phí xây dựng công trình, hạng mục công trình được lập theo hướng dẫn tại Phụ lục số 2 của Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

Dự toán chi phí xây dựng bao gồm chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước, thuế giá trị gia tăng và chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công.

1.1. Chi phí trực tiếp:

Chi phí trực tiếp bao gồm chi phí vật liệu (kể cả vật tư-vật liệu do chủ đầu tư cấp), chi phí nhân công, chi phí sử dụng máy thi công và chi phí trực tiếp khác. Chi phí trực tiếp thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

Chi phí trực tiếp khác được tính bằng 1,5% trên tổng chi phí vật liệu, chi phí nhân công, chi phí máy thi công.

1.2. Chi phí chung:

Chi phí chung bao gồm: chi phí quản lý của doanh nghiệp, chi phí điều hành sản xuất tại công trường, chi phí phục vụ công nhân, chi phí phục vụ thi công tại công trường và một số chi phí khác. Chi phí chung được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp hoặc bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí nhân công trong dự toán theo quy định đối với từng loại công trình.

Định mức tỷ lệ chi phí chung theo Bảng 2.4 của Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Một số công trình, hạng mục công trình thuộc dự án lưới điện, định mức tỷ lệ chi phí chung thực hiện theo Phụ lục số 1 kèm theo văn bản này.

1.3. Thu nhập chịu thuế tính trước:

Thu nhập chịu thuế tính trước được tính bằng tỷ lệ phần trăm (%) trên chi phí trực tiếp và chi phí chung theo quy định đối với từng loại công trình.

Định mức tỷ lệ thu nhập chịu thuế tính trước theo Bảng 2.4 của Phụ lục số 2 kèm theo Thông tư số 05/2007/TT-BXD của Bộ Xây dựng. Một số công trình, hạng mục công trình thuộc dự án lưới điện, định mức tỷ lệ thu nhập chịu thuế tính trước thực hiện theo Phụ lục số 1 kèm theo văn bản này.

1.4. Thuế giá trị gia tăng:

Thuế giá trị gia tăng cho công tác xây dựng áp dụng theo quy định hiện hành.

1.5. Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công:

Chi phí xây dựng nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công được tính bằng 2% trên tổng chi phí trực tiếp, chi phí chung, thu nhập chịu thuế tính trước đối với các công trình đường dây tải điện trên không ngoài đô thị và bằng 1% đối với công trình trạm biến áp và các công trình khác. Đối với các trường hợp đặc biệt, nếu tỷ lệ chi phí quy định trên không phù hợp thì lập dự toán xác định cụ thể trình cấp có thẩm quyền xem xét quyết định.

2. Chi phí thiết bị:

Chi phí thiết bị trong TDT, dự toán công trình bao gồm chi phí mua sắm thiết bị công nghệ (kể cả thiết bị công nghệ phi tiêu chuẩn cần sản xuất, gia công); chi phí đào tạo và chuyển giao công nghệ; chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm hiệu chỉnh, chi phí tiếp nhận, bảo quản, vận chuyển hàng hoá về công trường. Chi phí thiết bị của công trình theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

3. Chi phí quản lý dự án:

Chi phí quản lý dự án trong dự toán công trình bao gồm các chi phí cần thiết để chủ đầu tư tổ chức thực hiện quản lý dự án theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD. Chi phí QLDA được tính theo giá trị xây dựng và giá trị thiết bị chưa bao gồm thuế GTGT của các công trình thuộc dự án và được vận dụng áp dụng trên cơ sở định mức tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố tại Quyết định số 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009.

Đối với những dự án do đặc thù mang tính chuyên ngành hoặc do chọn hình thức quản lý dự án kiêm nhiệm mà không phải chi phí hoặc không phải thực hiện một số nội dung công việc đã được tính theo định mức tỷ lệ thì không được sử dụng khoản chi phí còn lại tương ứng, tùy theo những nội dung công việc-chi phí cụ thể không phải thực hiện, chi phí QLDA sẽ được giảm trừ tương ứng trên cơ sở tỷ lệ định mức tại Bảng số 1 công bố kèm theo Quyết định số 957/QĐ-BXD.

Trường hợp Ban QLDA không thực hiện một số nội dung công việc theo quy định về công tác QLDA mà thuê tư vấn thực hiện một phần việc nào đó thì chi phí QLDA phải giảm trừ tương ứng với nội dung công việc mà Ban QLDA không thực hiện để trả cho tổ chức tư vấn thực hiện thay Ban QLDA.

Trường hợp Ban QLDA có điều kiện để thực hiện một số nội dung của công tác tư vấn đầu tư xây dựng công trình thì được hưởng chi phí theo định mức tỷ lệ quy định hoặc được hưởng chi phí theo dự toán được cấp có thẩm quyền phê duyệt (đối với những công tác tư vấn chưa có định mức tỷ lệ được công bố).

4. Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:

Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng trong dự toán công trình bao gồm các chi phí quy định theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD. Cách tính chi phí tư vấn đầu tư xây dựng công trình được nêu tại Mục II.5 trên đây, trong đó chi phí

được xác định trên cơ sở vận dụng áp dụng định mức tỷ lệ do Bộ Xây dựng công bố kèm theo Quyết định 957/QĐ-BXD ngày 29/9/2009 hoặc bằng cách lập dự toán.

Một số vấn đề lưu ý về chi phí tư vấn:

4.1. Đối với một số công tác tư vấn chưa được quy định theo định mức tỷ lệ thì xác định bằng cách lập dự toán chi phí theo quy định. Nội dung của công tác tư vấn bao gồm các khoản chi phí về chuyên gia, quản lý, chi phí khác, bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp và thu nhập chịu thuế tính trước.

4.2. Những dự án được phép thuê tư vấn nước ngoài (tư vấn chính hoặc tư vấn phụ) phải căn cứ vào phạm vi công việc cần thuê để lập dự toán chi phí trình cấp có thẩm quyền phê duyệt, sau khi đã thuê một phần việc với tư vấn nước ngoài, chi phí thuộc phạm vi công việc còn lại chỉ được tính một phần tương ứng trên cơ sở định mức tỷ lệ quy định.

4.3. Trường hợp dự án có yêu cầu hồ sơ tư vấn phải lập bằng hai thứ tiếng (song ngữ) chi phí các khoản liên quan đến việc dịch từ tiếng Việt ra tiếng nước ngoài được lập dự toán chi tiết trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

5. Chi phí khác:

Chi phí khác trong dự toán công trình bao gồm các chi phí quy định theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD. Chi phí khác được xác định bằng định mức tỷ lệ (%) hoặc bằng cách lập dự toán.

6. Chi phí dự phòng:

Chi phí dự phòng là khoản chi phí để dự trù cho khối lượng công việc phát sinh và các yếu tố trượt giá trong thời gian xây dựng công trình. Cách xác định chi phí dự phòng theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD.

Các bảng tổng hợp dự toán xem phụ lục kèm theo Thông tư 05/2007/TT-BXD.

V. Quy định thực hiện:

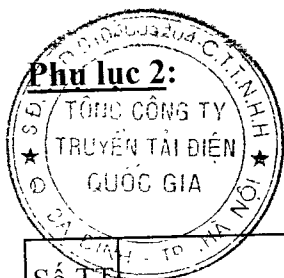
Hướng dẫn này là cơ sở để lập, thẩm tra, phê duyệt TMĐT, TDT, dự toán dự án đầu tư xây dựng công trình lưới điện do NPT đầu tư, các dự án do EVN quyết định đầu tư đang thực hiện dở dang và giao nhiệm vụ làm chủ đầu tư cho NPT theo công văn số 3183/EVN-VP-KH ngày 01/7/2008. Tất cả các dự án đầu tư xây dựng công trình lưới điện không phân biệt hình thức thực hiện đều phải lập TMĐT, TDT, dự toán theo hướng dẫn này.

Đối với các dự án sử dụng nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức (vốn ODA) do NPT quản lý hoặc do EVN chuyển giao NPT làm chủ đầu tư, nếu điều ước quốc tế đã ký kết có những quy định về quản lý chi phí đầu tư xây dựng công trình khác với hướng dẫn này thì thực hiện theo điều ước quốc tế.

Phụ lục 1:

PHÂN ĐỊNH CÔNG TRÌNH, HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH ĐỂ TÍNH ĐỊNH MỨC TỶ LỆ CHI PHÍ CHUNG VÀ THU NHẬP CHỊU THUẾ TÍNH TRƯỚC

<div><div><div>TRUYỀN TẢI ĐIỆN</div><div>QUỐC GIA</div><div>ĐIỂM - TP. HỒ CHÍ MINH</div></div><div>Loại công trình</div></div>	Hạng mục công trình / Hạng mục công việc	Chi phí chung (%)		Thu nhập chịu thuế tính trước (%)
		Tính trên chi phí trực tiếp	Tính trên chi phí nhân công	
DỰ ÁN TRẠM BIẾN ÁP				
* Công trình trạm biến áp	- San nền	4,5	-	5,5
	- Xây dựng móng máy, móng trụ đỡ thiết bị...	5,5	-	6,0
	- Xây dựng đường trong trạm trạm, rải đá nền trạm			
	- Xây dựng nhà điều khiển, nhà phân phối, nhà trạm bơm...			
	- Xây dựng hệ thống cấp thoát nước			
	- Xây dựng hệ thống hàng rào, cổng ngõ	5,3	-	6,0
	- Xây dựng đường vào trạm			
	- Lắp đặt thiết bị trạm (bao gồm máy biến áp, máy cắt, chống sét van, dao cách ly, tụ bù, tủ bảng điều khiển); Lắp đặt thiết bị thiết bị hệ thống thông tin liên lạc	-	65,0	6,0
	- Thử nghiệm hiệu chỉnh vật tư-thiết bị, tiếp địa trạm, thử nghiệm ghép nối hệ thống SCADA, tiếp địa đường dây đầu nối			
* Công trình đường dây tải điện trên không đầu nối vào trạm	- Xây lắp đường dây tải điện trên không			
* Công trình: nhà điều hành sản xuất; nhà quản lý vận hành; nhà trực-nghỉ ca; nhà chốt trực vận hành tuyến đường dây		6,0	-	5,5
DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY TẢI ĐIỆN TRÊN KHÔNG				
* Công trình đường dây tải điện trên không	- Xây lắp đường dây tải điện trên không	-	65,0	6,0
	- Thử nghiệm hiệu chỉnh vật tư-thiết bị, tiếp địa cột			
* Công trình mở rộng ngăn lộ của trạm biến áp		5,5	-	6,0
DỰ ÁN ĐƯỜNG CÁP NGẦM				
* Công trình đường cáp ngầm	- Xây lắp đường cáp ngầm	5,5	-	6,0
	- Thử nghiệm hiệu chỉnh vật tư-thiết bị đường cáp, tiếp địa	-	65,0	6,0



BẢNG TỔNG HỢP CÁC KHOẢN CHI PHÍ THUỘC TỔNG MỨC ĐẦU TƯ

Dự án: Trạm biến áp

Đơn vị tính: 1000 đồng

Số TT	Tên chi phí	Diễn giải giá trị trước thuế	Chi phí trước VAT	VAT	Tổng cộng
I.	Chi phí xây dựng:	$G_{XD} = G_{XDCPT} + G_{XDLT}$			
I.1	Chi phí xây dựng công trình chính:	$G_{XDCPT} = I.1.1 + I.1.2 + I.1.3$			
I.1.1	Chi phí xây dựng trạm biến áp:	$G_{XDT} = 1 + 2 + \dots + i$			
1	dự toán chi tiết			
2	dự toán chi tiết			
i	dự toán chi tiết			
I.1.2	Chi phí xây dựng nhà quản lý vận hành và nghỉ ca	G_{XDN}			
I.1.3	Chi phí xây dựng đường dây đấu nối:	$G_{XDĐN} = 1 + 2 + \dots + j$			
1	dự toán chi tiết			
2	dự toán chi tiết			
j	dự toán chi tiết			
I.2	Chi phí nhà tạm tại hiện trường để ở và điều hành thi công:	$G_{XDLT} = G_{XDCPT} \times TL$			
1	Trạm biến áp, nhà nghỉ ca và các công trình khác	$G_{XD1} \times 1\%$			
2	Đường dây tải điện trên không ngoài đô thị	$G_{XD2} \times 2\%$			
II.	Chi phí thiết bị:	$G_{TB} = G_{STB} + G_{LD}$			
II.1	Chi phí mua sắm thiết bị:	$G_{STB} = 1 + 2 + \dots + k$			
1	Mua sắm thiết bị nhập ngoại	Trị số ngoại tệ x tỷ giá			
2	Mua sắm thiết bị trong nước	bảng kê thiết bị			
3	Chi phí vận chuyển thiết bị nhập khẩu về công trình (bao gồm chi phí bảo hiểm vận chuyển - nếu có)	dự toán chi tiết			
4	Chi phí làm thủ tục tiếp nhận hàng nhập khẩu tại cảng (*) %MS _{TB}			
5	Chi phí lưu kho, bảo quản, bảo dưỡng thiết bị chờ lắp (*) (nếu có) %MS _{TB}			

Số TT	Tên chi phí	Diễn giải giá trị trước thuế	Chi phí trước VAT	VAT	Tổng cộng
6	Thuế nhập khẩu (*) (nếu có)				
7	Chi phí chuyên gia giám sát bên bán thiết bị (nếu có)	Trị số ngoại tệ x tỷ giá			
k	Chi phí				
II.2	Chi phí lắp đặt thiết bị và thí nghiệm hiệu chỉnh:	$G_{LB} = (1) + (2)$			
1	Lắp đặt:	(1.1) + (1.2)			
1.1	Lắp đặt thiết bị trạm biến áp, lắp đặt thiết bị hệ thống thông tin liên lạc	dự toán chi tiết			
1.2	Lắp đặt thiết bị công trình đường dây tải điện trên không đầu nổi	dự toán chi tiết			
2	Chi phí thí nghiệm hiệu chỉnh:	(2.1) + (2.2) + (2.3)			
2.1	Thí nghiệm hiệu chỉnh thiết bị trạm, tiếp địa trạm	dự toán chi tiết			
2.2	Thí nghiệm tiếp địa đường dây tải điện trên không đầu nổi	dự toán chi tiết			
2.3	Thử nghiệm, ghép nối tín hiệu SCADA	dự toán chi tiết			
III.	Chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, tái định cư:	$G_{GPMB} = 1 + 2 + ... + m$			
1	Chi phí bồi thường nhà cửa, vật kiến trúc	theo phương án BTGPMB			
2	Chi phí bồi thường cây cối hoa màu trồng trên đất	theo phương án BTGPMB			
3	Chi phí bồi thường đất đai	theo phương án BTGPMB			
4	Chi phí thuê đất hoặc tạm sử dụng đất trong thời gian xây dựng (nếu có)	tạm tính			
5	Chi phí thực hiện tái định cư (nếu có)	theo phương án BTGPMB			
6	Chi phí liên quan đến công tác làm tiếp đất, cải tạo công trình-vật kiến trúc được phép tồn tại trong hành lang an toàn của tuyến ĐDK nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng (đối với công trình đường dây đầu	dự toán chi tiết			
7	Chi phí tổ chức thực hiện bồi thường GPMB của Hội đồng DBGPMB	dự toán chi tiết			
8	Chi phí tư vấn giám sát độc lập giám sát thực hiện công tác bồi thường GPMB và tái định cư (theo yêu cầu của tổ chức tài trợ vốn - nếu có)	dự toán chi tiết			
9	Chi phí đo vẽ địa chính (nếu phải thực hiện)	dự toán chi tiết			
10	Lệ phí địa chính (nếu có)	theo quy định			
m	Chi phí				
IV.	Chi phí quản lý dự án	$G_{QLDA} = TL\% (g_{XD} + g_{TB})_{TMĐT}$			

Số TT	Tên chi phí	Diễn giải giá trị trước thuế	Chi phí trước VAT	VAT	Tổng cộng
V.	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	$G_{TV} = 1 + 2 + \dots + n$			
1	Chi phí khảo sát xây dựng:	(1.1) + (1.2)			
1.1	Chi phí khảo sát giai đoạn lập dự án đầu tư	Đề cương - dự toán			
1.2	Chi phí khảo sát kỹ thuật	Đề cương - dự toán			
2	Chi phí lập dự án đầu tư hoặc lập báo cáo kinh tế - kỹ thuật	$TL\% (g_{XD} + g_{TB})_{TMDT}$			
3	Chi phí thiết kế xây dựng công trình:	(3.1) + (3.2) + (3.3)			
3.1	Thiết kế trạm biến áp (*)	$TL\%g_{XD}$ hoặc $TL\%g_{XD} \& TL\%g_{TB}$			
3.2	Thiết kế nhà QL VH và nghỉ ca (*) (nếu công trình ngoài hàng rào trạm)	$TL\%g_{XD}_{DTCT}$			
3.3	Chi phí thiết kế đường dây đầu nối (*) (nếu có)	$TL\%g_{XD}_{DTCT}$			
4	Chi phí thăm tra TKKT (TKBVTC) (*)	$TL\%g_{XD}_{DTCT}$			
5	Chi phí thăm tra TDT/dự toán (*)	$TL\%g_{XD}_{DTCT/TDT}$			
6	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT thi công xây dựng (*)	$TL\%g_{XD}_{DTGT}$			
7	Chi phí lập HSMT, đánh giá HSDT mua sắm thiết bị (*)	$TL\%g_{TB}_{DTGT}$			
8	Chi phí giám sát:				
8.1	Giám sát công tác khảo sát	dự toán chi tiết			
8.2	Giám sát thi công xây dựng (*)	$TL\%g_{XD}_{DTGT}$			
8.3	Giám sát lắp đặt thiết bị (*)	$TL\%g_{TB}_{DTGT}$			
9	Chi phí lập báo cáo đánh giá tác động môi trường	Đề cương - dự toán			
10	Chi phí quy đổi vốn đầu tư xây dựng (nếu có)	dự toán chi tiết			
n	Chi phí				
VI.	Chi phí khác:	$G_K = 1 + 2 + \dots + p$			
1	Chi phí thăm tra tính hiệu quả và tính khả thi của dự án đầu tư	$TL\% (g_{XD} + g_{TB})_{TMDT}$			
2	Chi phí rà phá bom, mìn, vật nổ trên mặt bằng xây dựng (nếu phải thực hiện); chi phí xử lý chất độc hoá học (nếu có)	dự toán chi tiết			
3	Chi phí bảo hiểm công trình:	(3.1) + (3.2)			
3.1	Bảo hiểm xây dựng (*)	$TL\%g_{XD}_{DTCT}$			
3.2	Bảo hiểm lắp đặt thiết bị (*)	$TL\%g_{TB}_{DTCT}$			

Số TT	Tên chi phí	Diễn giải giá trị trước thuế	Chi phí trước VAT	VAT	Tổng cộng
4	Chi phí di chuyển thiết bị thi công và lực lượng lao động đến công trường	dự toán chi tiết			
5	Chi phí đảm bảo an toàn giao thông phục vụ thi công (nếu có)	dự toán chi tiết			
6	Chi phí kiểm toán, thẩm tra, phê duyệt quyết toán vốn đầu tư:	(6.1) + (6.2)			
6.1	Chi phí kiểm toán	$TL\%_{TMĐT}$			
6.2	Chi phí thẩm tra phê duyệt	$TL\%_{TMĐT}$			
7	Phí và lệ phí các loại:	(7.1) + (7.2) + (7.3) + (7.4)			
7.1	Lệ phí thẩm định dự án đầu tư	$TL\% (g_{XD} + g_{TB})_{TMĐT}$			
7.2	Lệ phí thẩm định TKKT (*)	$TL\% g_{XD}_{DTCT}$			
7.3	Lệ phí thẩm định TDT/dự toán (*)	$TL\% g_{XD}_{DTCT/TDT}$			
7.4	Lệ phí thẩm định kết quả đấu thầu cung cấp VTTB (*)	$TL\% g_{TB}_{DTGT}$			
8	Chi phí nguyên liệu, năng lượng và nhân lực cho quá trình nghiệm thu đóng điện (nếu có)	dự toán chi tiết			
9	Chi phí Hội đồng nghiệm thu cấp nhà nước (nếu có)	dự toán chi tiết			
10	Chi phí chuẩn bị sản xuất:	(10.1) + (10.2)			
10.1	Trang thiết bị, dụng cụ, phương tiện phục vụ sản xuất	dự toán; ĐMCP theo 957/QĐ-EVN			
10.2	Nhà trực quản lý vận hành; nhà chốt trực vận hành đối với tuyến công trình ĐDK	dự toán chi tiết, nhà QLVH phải có thiết kế BVTC với quy mô phù hợp			
11	Chi phí thuê đất hoặc quyền sử dụng đất lâu dài	theo quy định của nhà nước			
12	Chi phí trả lãi vay ngân hàng của chủ đầu tư trong thời gian xây dựng	L_{vay} : tính theo tiến độ thực hiện dự án			
p	Chi phí				
VII.	Chi phí dự phòng (G_{DP}):	$G_{DP} = G_{DP1} + G_{DP2}$			
	TMĐT chưa có dự phòng:	$V' = G_{XD} + G_{TB} + G_{GPMB} + G_{QLDA} + G_{TV} + G_K$			
1	Chi phí dự phòng cho khối lượng công việc phát sinh	$G_{DP1} = 5\% V'$			
2	Chi phí dự phòng trượt giá:	$G_{DP2} \geq 5\% V'$			
2.1	Dự án có thời gian thực hiện ≤ 2 năm	$G_{DP2} = 5\% V'$			
2.2	Dự án có thời gian thực hiện > 2 năm	$G_{DP2} = (V' - L_{vay}) \times (I_{XD_{bq}} (+/-) AI_{XD})$			

Ghi chú: (*): Nhóm các chi phí tạm tính theo Thiết kế cơ sở sẽ được chuẩn xác khi TDT, DTGT được duyệt; $I_{XD_{bq}}$ và AI_{XD} theo hướng dẫn tại Thông tư số 05/2007/TT-BXD.